

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN BIZMAN CẨM PHẢ 2
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN BIZMAN CẨM PHẢ 2

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIZMAN CAM PHA 2 LAND JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIZMAN CAMPHA2 LAND.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 5702026287

3. Ngày thành lập: 25/12/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 50, ngõ 1 Hải Thụy, tổ 1, khu 6B, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 02439382071

Fax: 02439382070

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Loại trừ: Đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Loại trừ: Đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820(Chính)
2.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
5.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6.	Xây dựng công trình điện	4221
7.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
8.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
9.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
10.	Xây dựng công trình thủy	4291
11.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
12.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
14.	Phá dỡ	4311
15.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
16.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
17.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
18.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

19.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
21.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
26.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
27.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
28.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
29.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
30.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
31.	Bán mô tô, xe máy	4541
32.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
33.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
34.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
35.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
36.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
37.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
38.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
39.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
40.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
41.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
42.	Trồng cây ăn quả	0121
43.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
44.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
45.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
46.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
47.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
48.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
49.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
50.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
52.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
53.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

54.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
55.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
56.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
57.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
58.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
59.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
60.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
61.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
62.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
63.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
64.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
65.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
66.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
67.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
68.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
69.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
70.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
71.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
72.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
73.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
74.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
75.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
76.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
77.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
78.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
79.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
80.	Bán buôn thực phẩm	4632
81.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
82.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
83.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
84.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
85.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
86.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299

88.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
89.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
90.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
91.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
92.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
93.	Quảng cáo	7310
94.	Xuất bản sách	5811
95.	Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ	5812
96.	Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ	5813
97.	Hoạt động xuất bản khác	5819
98.	Xuất bản phần mềm	5820
99.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
100.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
101.	Hoạt động chiếu phim	5914
102.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
103.	Hoạt động phát thanh	6010
104.	Hoạt động truyền hình	6021
105.	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác	6022
106.	Xây dựng nhà không để ở	4102

6. Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ BIZMAN	Lô A09, Biệt thự BT8, khu đô thị Việt Hưng, đường Đoàn Khuê, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	19.800.000	198.000.000.000	66,000	0108584720	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	19.800.000	198.000.000.000	66,000		
2	VŨ ĐỨC VƯƠNG	Lô A09, biệt thự BT8, khu đô thị Việt Hưng, đường Đoàn Khuê, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.000.000	90.000.000.000	30,000	034074007104	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	9.000.000	90.000.000.000	30,000		

3	VŨ ĐỨC SƠN	Số D36 lô nhà vườn, Khu đô thị Việt Hưng, đường Lưu Khánh Đàm, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.200.000	12.000.000.000	4,000	034078001707
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.200.000	12.000.000.000	4,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ ĐỨC SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/05/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034078001707

Ngày cấp: 06/07/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số D36 lô nhà vườn, khu đô thị Việt Hưng, đường Lưu Khánh Đàm, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Lô A09, biệt thự BT8, khu đô thị Việt Hưng, đường Đoàn Khuê, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Quảng Ninh